

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HSST
Ngày 29 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH K**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Võ Đức Thuận
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - + Bà Ngô Thị Lững;
 - + Ông Phạm Hùng Cường.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm – Thư ký Tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - tỉnh K tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/HSST-QĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh B - sinh năm 1995 tại K; tên gọi khác: Ty; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện D, tỉnh K; Nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Minh M (sinh năm 1966) và bà Võ Thị T (sinh năm 1967); Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:**
 - Phạm Hoàng T** - sinh năm 1988.
 - Thái Phúc T** - sinh năm 1988
 - Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh K. (Anh T, chị T có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**
 1. Nguyễn Lệ U – sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện D, tỉnh K. (Có mặt)
 2. Huỳnh Thị Xuân Th – sinh năm 1968
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh K. (Có mặt)
- **Người tham gia tố tụng khác:**
 - Người làm chứng: Cao Văn Đ, Cao Thị Ngọc H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 ngày 21/01/2018, Nguyễn Thanh B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 8344 đến nhà bà Nguyễn Thị (là bà nội của B) tại tổ dân phố 1, thị trấn D, huyện D. Thấy nhà vợ chồng anh Phạm Hoàn T và chị Thái Phúc T không có người trông coi nên B trèo vào nhà anh T, chị T, rồi dùng chìa khóa mở cửa đi vào (chìa khóa có được do B lấy ở tủ ti vi nhà bà Thị ngày 20/01/2018). Sau khi vào nhà, B đến phòng ngủ, tại tủ nhựa đựng quần áo, ngăn trên cùng, B lấy 14.500.000 đồng và 100 USD. Sau đó, B đi ra ngoài khóa cửa nhà anh T, chị T lại rồi đi về nhà của B ngủ.

Đến ngày 22/01/2018, B lấy 10.000.000 đồng bỏ vào túi nhựa cất giấu dưới gốc cây keo tại gầm cầu S D (thôn Thạnh, xã T, huyện D). Số tiền 4.500.000 đồng và 100 USD B tiêu dùng cá nhân và mua ma túy sử dụng, còn lại 285.000 đồng.

Sau khi phát hiện mất tài sản, vợ chồng anh T và chị T trình báo cơ quan Công an bị mất tổng cộng 20.000.000 đồng, 100 USD, 01 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng. Trong đó, 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Lệ U, dây chuyền vàng và nhẫn vàng của bà Huỳnh Thị Xuân Th gửi tại nhà anh T, chị T.

Quá trình điều tra đã xác định được B đã trộm cắp 14.500.000 đồng và 100 USD vào ngày 21/01/2018. Ngoài ra, trước đó khoảng 01 tuần, thấy nhà anh T, chị T không có người trông coi, cửa không khóa nên B đã lẻn vào nhà anh T, chị T trộm 5.500.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 08/02/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện D xác định 100 USD thời điểm ngày 21/02/2018 có giá trị 2.263.500 đồng.

Quá trình điều tra, B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSDK ngày 04/04/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh K đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên về điều luật và tội danh của bị cáo B như bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Xe mô tô 8344 bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên tại hồ sơ đã thể hiện lời khai và việc vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh B đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và vật chứng thu được đã có đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Thanh B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự ngang nhiên, xem thường pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản, bị cáo là thanh niên có sức khỏe, trong độ tuổi lao động nhưng không tu chí làm ăn mà đi trộm cắp để tiêu xài và sử dụng chất ma túy. Bản thân bị cáo trước ngày 21/01/2018 khoảng 01 tuần đã thực hiện hành vi trộm tại nhà anh T, chị T nhưng bị cáo không lo sợ, rút ra bài học cho bản thân mà lại tiếp tục trộm cắp, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, phải cần được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình, tài sản đã được thu hồi một phần trả cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã từng phục vụ trong quân ngũ, xuất ngũ ngày 25/7/2015. Vì vậy cần được xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ về mặt hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng tình tiết giảm nhẹ là điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, tình tiết tăng nặng là điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 10.285.000 đồng đã trả lại cho người bị hại.
- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirena, biển kiểm soát 8344 là của bị cáo mua của một người lạ, có đầy đủ giấy tờ. Qua xác minh thì chủ xe thừa nhận đã bán sang

tay xe mô tô nói trên cho người khác, không nhớ rõ bán cho ai. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo sử dụng xe mô tô nói trên làm phương tiện để trộm cắp 02 lần tại nhà bị hại nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thanh B (Ty)** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh B (Ty) 01 (một) năm tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirena biển kiểm soát 8344, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, xe không yếm, không bửng xe (*theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và chi cục thi hành án dân sự huyện D ngày 20/4/2018*). Kèm theo 01 đăng mô tô, xe máy tên Cao Văn Đ số A0161378, cấp ngày 11/10/2001 đang tạm lưu trữ trong hồ sơ vụ án (BL44).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Đức Thuận